TOÀ ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 6 - SƠN LA**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số 06/2026/HNGĐ-ST
Ngày: 22/01/2026.
V/v: Xin ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 6 – SƠN LA

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán Chủ toạ phiên toà: Ông Đỗ Như Khánh.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Trịnh Thị Kim Oanh.

2. Bà Phạm Thị Nhung.

Thư ký Toà án ghi biên bản phiên toà: Ông Nguyễn Quang Huy, thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 6 – Sơn La.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 6 – Sơn La tham gia phiên tòa: Bà Lý Hoàng Linh, Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 01 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 6 – Sơn La, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 02/TLST-HNGĐ ngày 01 tháng 10 năm 2025 về việc xin ly hôn theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 05/2025/QĐXX-ST ngày 18 tháng 12 năm 2025 và quyết định hoãn phiên tòa số 11 ngày 06 tháng 01 năm 2026 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Hà Thị N, sinh ngày 11/3/1989.

Số CCCD: 014189013592, cấp ngày 02/10/2021.

Địa chỉ: Bản S, xã Đ, tỉnh S, có mặt.

Bị đơn: Anh Hoàng Văn C, sinh 08/01/1989.

Địa chỉ: Bản S, xã Đ, tỉnh S.

Số CCCD: 014089012439, cấp ngày 25/8/2021, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn xin ly hôn nộp ngày 01/10/2025, bản tự khai tại Toà án và lời khai tại phiên tòa nguyên đơn chị Hà Thị N trình bày:

Chị N và anh C kết hôn với nhau từ ngày 17/9/2008, khi kết hôn đã đủ tuổi đăng ký việc kết hôn là hoàn toàn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Quy Hướng, huyện Mộc Châu, tỉnh Sơn La (Nay là UBND xã Đoàn Kết, tỉnh Sơn La).

Quá trình chung sống hạnh phúc đến năm 2019, thì phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân là bất đồng trong quan điểm sống, không có tiếng nói chung trong cuộc sống. Mâu thuẫn vợ, chồng thường xuyên phát sinh, do không chịu nổi chị N đã sống ly thân với anh C từ năm 2020, từ đó chị không còn đi lại thăm hỏi anh C nữa.

Xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, chị N đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh C.

Về con chung: Có 01 cháu là Hoàng Hà H, sinh ngày 28/6/2009.

Sau khi ly hôn, chị N xin nuôi cháu H, chị không yêu cầu anh C pH đóng góp tiền nuôi cháu H cùng chị.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

Về án phí: Chị Hà Thị N xin nộp toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Ngoài ra không có yêu cầu hay đề nghị gì thêm.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mộc Châu phát biểu ý kiến như sau:

- Về việc chấp hành nguyên tắc xét xử: Tại phiên tòa Hội đồng xét xử chấp hành đúng các nguyên tắc xét xử quy định tại các Điều 11, 12, 15, 17, 24, 25 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

- Về thành phần hội đồng xét xử: Đúng quy định tại Điều 63 Bộ luật tố tụng dân sự, đúng như trong quyết định đưa vụ án ra xét xử.

- Trình tự, thủ tục tại phiên tòa được thực hiện đúng quy định tại Điều 239, 243, 247, 249, 258, 260 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Thư ký đã thực hiện đúng, đầy đủ nhiệm vụ quy định tại Điều 51 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về đường lối giải quyết vụ án đề nghị Hội đồng xét xử:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39, điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228 của BLTTDS sửa đổi năm 2025; khoản 4 Điều 147 Bộ luật dân sự;

Căn cứ khoản 1 Điều 51; Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật hôn nhân & gia đình.

Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án. Đề nghị:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị Hà Thị N. Xử cho chị Hà Thị N được ly hôn với anh Hoàng Văn C.

2. Về con chung: Giao cháu Hoàng Hà H, sinh ngày 28/6/2009 cho chị Hà Thị N, trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc giáo dục tính từ ngày 22/01/2026 đến khi cháu trưởng thành đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật.

Không bên nào được cản trở quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung sau ly hôn.

Về cấp dưỡng nuôi con: Tạm hoãn việc đóng góp tiền nuôi con cho anh Hoàng Văn C do chị Hà Thị N chưa yêu cầu.

3. Về tài sản chung: Do chị Hà Thị N không kê khai, không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết, nên không đề cập việc giải quyết.

4. Về vay nợ chung: Do chị Hà Thị N xác định không có, nên không đề cập việc giải quyết.

5. Về án phí: Chị Hà Thị N pH chịu án phí DS/ST theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Tòa án nhận định:

[1] Về tố tụng: Quá trình giải quyết vụ kiện, chị Hà Thị N đã cung cấp đầy đủ các tài liệu, chứng cứ chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của mình.

Do các đương sự đều có nơi cư trú tại: Bản Suối Giăng 2, xã Đoàn Kết, tỉnh Sơn La. Căn cứ khoản 1 Điều 28; Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của BLTTDS sửa đổi năm 2025 vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Khu vực 6 – Sơn La.

Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn anh Hoàng Văn C không chấp hành theo giấy triệu tập của Tòa án. Nguyên đơn chị Hà Thị N đã có đơn đề nghị Tòa án tiến hành xác minh, thu thập các tài liệu chứng cứ liên quan để giải quyết vụ án.

Xác minh với chính quyền địa phương về các văn bản tố tụng của Tòa án gửi để giao cho anh Hoàng Văn C được biết.

Đối với thông báo về việc thụ lý vụ án và các thông báo về phiên họp, kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, các văn bản Tố tụng của Tòa án do không giao cho anh C được, Lãnh đạo bản đã giao cho mẹ anh C, mẹ anh C đã nhận nhưng từ chối không ký vào các văn bản Tố tụng của Tòa án.

Do anh Hoàng Văn C không hợp tác giải quyết vụ việc, nên Tòa án đã làm thủ tục niêm yết Biên bản tiếp cận công khai chứng cứ và Quyết định đưa vụ án ra xét xử tại nhà văn hóa bản nơi anh Hoàng Văn C cư trú.

Như vậy có đủ căn cứ khẳng định anh Hoàng Văn C đã biết việc chị Hà Thị N xin ly hôn anh, nhưng anh C cố tình không có mặt tại Tòa án để giải quyết vụ án.

Do đó Tòa án căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tổ tụng dân sự Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bị đơn.

[2] Về quan hệ hôn nhân:

Chị N và anh C kết hôn với nhau từ ngày 17/9/2008, khi kết hôn đã đủ tuổi đăng ký việc kết hôn là hoàn toàn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Quy Hướng, huyện Mộc Châu, tỉnh Sơn La. Là hôn nhân hợp pháp nên được pháp luật bảo vệ.

[3] Xác minh về tình trạng hôn nhân của hai bên được biết.

Sau khi chị N và anh C kết hôn với nhau, chị N về nhà anh C ở.

Quá trình chung sống hạnh phúc đến khoảng năm 2020 thì chính quyền địa phương thấy hai anh chị thường xuyên phát sinh mâu thuẫn cãi chửi nhau, do anh C hay uống rượu, không chịu lao động làm ăn cùng chị N, do không chịu được nên chị N đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở từ năm 2020 cho đến nay. Không ai đi lại thăm hỏi nhau nữa.

Mâu thuẫn vợ, chồng chị N, anh C chính quyền địa phương chỉ nắm được chứ không tổ chức hòa giải vì các đương sự không yêu cầu.

Về tính cách của anh C, do nghiện rượu nên sống có biểu hiện bất cần. Do vậy trong cuộc sống nói chung chị N rất vất vả.

Về vay nợ chung: Cho đến thời điểm hiện tại, không thấy ai đến nhờ Chính quyền địa phương can thiệp.

Đối với chị Hà Thị N quá trình sống tại địa phương chịu khó lao động làm ăn. Cho đến thời điểm hiện tại không có tin đồn có quan hệ với người đàn ông nào khác, mặc dù đã ly thân anh C từ lâu.

Từ những nhận định nêu trên Tòa án nhận thấy từ việc hai bên đã sống ly thân, tình trạng hôn nhân thực tế của các bên thấy rằng mâu thuẫn giữa chị Hà Thị N và anh Hoàng Văn C đã thực sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, căn cứ vào khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình chấp nhận đơn xin ly hôn của chị Hà Thị N và xử cho chị Hà Thị N được ly hôn với anh Hoàng Văn C.

[4] Về con chung:

Chị N và anh C có 01 cháu là Hoàng Hà H, sinh ngày 28/6/2009.

Sau khi ly hôn, chị N xin nuôi cháu H. Tòa án cũng đã ghi ý kiến của cháu Hoàng Hà H về nguyện vọng của cháu sau khi bố, mẹ ly hôn cháu ở với ai. Nguyện vọng của cháu H xin được ở với chị N.

Xét thấy từ khi chị N và anh C sống ly thân, cháu H vẫn do chị N, trực tiếp nuôi dưỡng, chăm xóc, cũng như nguyện vọng của cháu H sau khi chị N và anh C ly hôn, cháu xin được ở với chị N. Do đó giao cháu Hoàng Hà H cho chi Hà Thị N, trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc giáo dục đến khi cháu trưởng thành đủ 18 tuổi được tính từ ngày 22/01/2026, hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật là phù hợp.

Không bên nào được cản trở quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung sau ly hôn.

Do chị Hà Thị N không yêu cầu anh Hoàng Văn C pH đóng góp tiền nuôi cháu Hoàng Hà H cùng với chị, do đó tạm hoãn việc đóng góp tiền nuôi con cho anh Hoàng Văn C.

[5] Về tài sản chung: Do chị Hà Thị N không kê khai, không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết, nên không đề cập việc giải quyết.

[6] Về vay nợ chung: Do chị Hà Thị N xác định không có, nên không đề cập việc giải quyết.

[7] Về án phí: Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Chị Hà Thị N pH chịu án phí DS/ST theo quy định của pháp luật

[8] Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn bị đơn được quyền kháng cáo theo quy định tại Điều 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của BLTTDS sửa đổi năm 2025.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 58, khoản 1, 2 Điều 81, khoản 3 Điều 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 4 Điều 147 BLDS,

Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Xử cho chị Hà Thị N được ly hôn với anh Hoàng Văn C.

2. Về con chung: Giao cháu Hoàng Hà H, sinh ngày 28/6/2009 cho chị Hà Thị N, trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc giáo dục đến khi cháu trưởng thành đủ 18 tuổi (thời gian nuôi được tính từ ngày 22/01/2026) hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật.

Không bên nào được cản trở quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung sau ly hôn.

Về cấp dưỡng nuôi con: Do chị Hà Thị N chưa có yêu cầu, nên tạm hoãn việc đóng góp tiền nuôi cháu Hoàng Hà H cùng chị Hà Thị N cho anh Hoàng Văn C.

3. Về tài sản chung: Do chị Hà Thị N không kê khai, không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết, nên không đề cập việc giải quyết.

4. Về vay nợ chung: Do chị Hà Thị N xác định không có, nên không đề cập việc giải quyết.

5. Về án phí: Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Chị Hà Thị N pH chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai số 0000263 ngày 01/10/2025 của phòng Thi hành án dân sự Khu vực 6 - Sơn La.

6. Về quyền kháng cáo:

Căn cứ Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Nguyên đơn được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (22/01/2026).

Bị đơn được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân tỉnh Sơn La;
- V KS nhân dân Khu vực 6 – Sơn La;
- Phòng THADS Khu vực 6 – Sơn La;
- UBND xã Đoàn Kết, tỉnh Sơn La;
- Các đương sự;
- Lưu văn phòng.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Đỗ Như Khánh